



CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI



HỘI NGHỊ TẬP CHÍNH SÁCH THUẾ,

HƯỚNG DẪN QTT 2016



NỘI DUNG

I. MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý KHI THỰC HIỆN QTT TNCN 2016

II. CÁC TÌNH HUỐNG VƯỚNG MẮC THƯỜNG GẶP



VBPL VỀ THUẾ TNCN HIỆN HÀNH

LUẬT

- Luật số 04/2007/QH12
- Luật số 26/2012/QH13
- Luật số 71/2014/QH13

NGHỊ ĐỊNH

- Nghị định 65/2013/NĐ-CP
- Nghị định 91/2014/NĐ-CP
- Nghị định 12/2015/NĐ-CP

Hệ thống văn bản pháp quy
áp dụng hiện hành

THÔNG TƯ

- Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013
- Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014
- Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 15/11/2014
- Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 30/7/2015
- Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016



I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN

1. Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai QTT nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ thuế

TRỪ

CN có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau

CN có TN từ tiền lương, tiền công ký HĐLĐ từ 03 tháng trở lên tại một đvị mà có thêm TN vắng lai bình quân tháng trong năm không quá 10 trđ đã được đvị trả TN khấu trừ thuế tại nguồn 10%

CN được NSDLĐ mua BH nhân thọ (trừ BH hưu trí tự nguyện), BH không bắt buộc khác có tích lũy về phí BH mà NSDLĐ hoặc DNBH đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC



I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN (TIẾP)

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Có trách nhiệm khai QTT và QTT thay cho CN có UQ

~~Không phát sinh trả TN từ tiền lương, tiền công trong năm 2016~~

Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản

chậm nhất
ngày thứ 45

QTT đối với số thuế TNCN đã khấu trừ và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho NLĐ

TRỪ

chuyển đổi
loại hình DN,
kế thừa toàn
bộ nghĩa vụ
về thuế

CT TNHH

CTCP

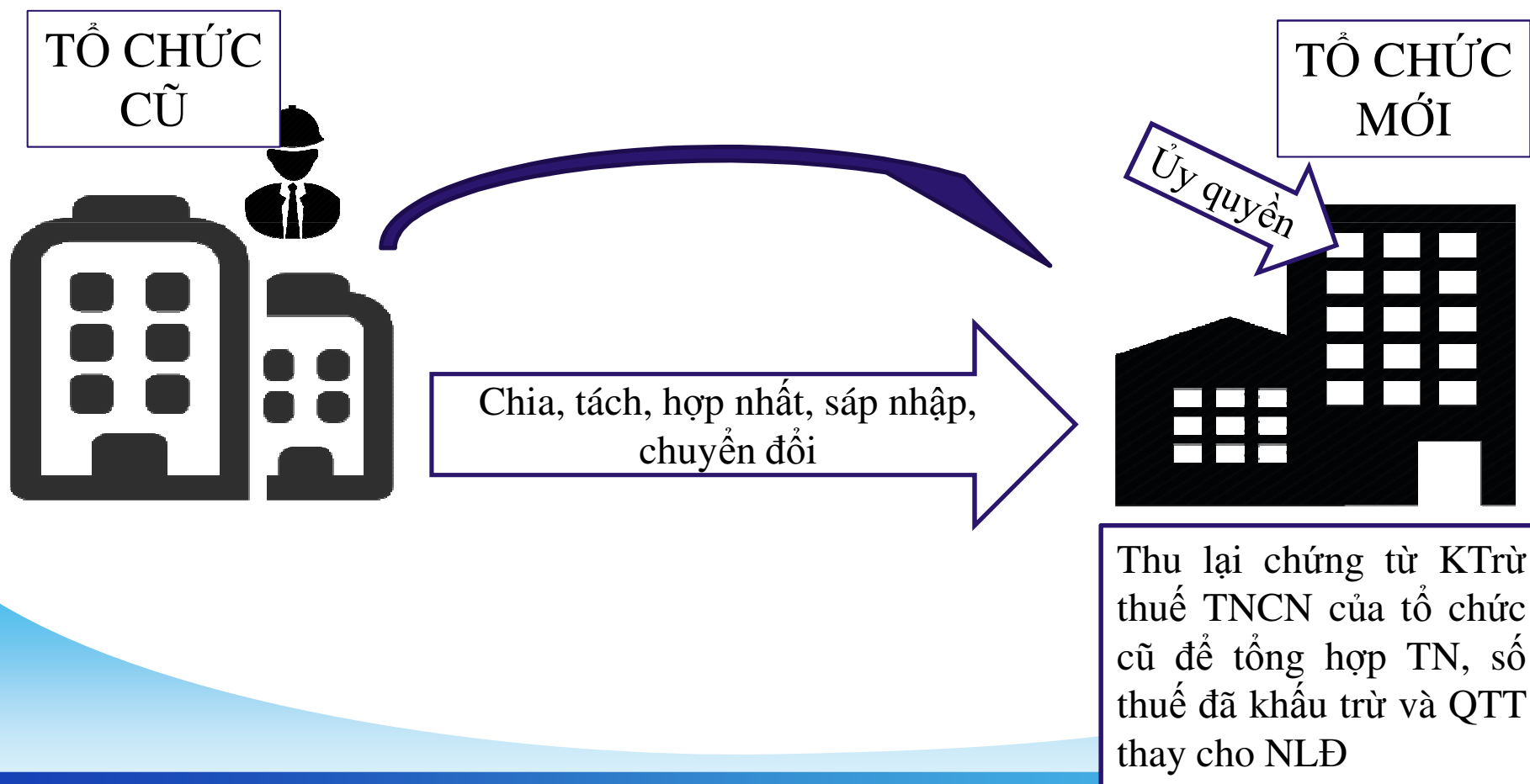
DN 100%
VỐN NN

CTCP



I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN (TIẾP)

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công





I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN (TIẾP)

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Giải thể, chấm dứt hoạt động

Không thực hiện QTT TNCN

Phát sinh trả TN nhưng không phát sinh ktrừ thuế TNCN

Nộp danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm

Chậm nhất ngày thứ 45
Mẫu số 05/DS-TNCN

CQ THUẾ



II. HÌNH THỨC QTT TNCN

1. Cá nhân ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức trả thu nhập

CN có TN từ TL, TC+ ký HĐLĐ từ 03 tháng trở lên tại một TCTTN và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm UQ QTT

NLĐ điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (sau khi tổ chức lại DN) + không có thêm TN từ TL, TC tại nơi khác

Điều chuyển NLĐ giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống: Tập đoàn, Tổng CT, CT mẹ - con, Trụ sở chính và chi nhánh

CN có TN từ TL, TC + ký HĐLĐ từ 03th trở lên tại một TCTTN + có TN vắng lai ở nơi khác bq tháng không quá 10 trđ đã đc đvị trả TN ktrừ thuế 10%

không có yêu cầu QTT đối với TN vắng lai

UQ

có yêu cầu QTT đối với TN vắng lai

TỰ QT



II. HÌNH THỨC QTT TNCN (TIẾP)

1. Cá nhân ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức trả thu nhập

Cá nhân ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay theo mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN

Tổ chức trả thu nhập có số lượng lớn người lao động ủy quyền quyết toán thuế lập danh sách các cá nhân ủy quyền trong đó phản ánh đầy đủ các nội dung tại mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN



II. HÌNH THỨC QTT TNCN (TIẾP)

2. Cá nhân quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế

Đảm bảo ĐK được UQ tại điểm 1 nhưng đã được tổ chức trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN (trừ trường hợp nộp lại)

Không đảm bảo ĐK được ủy quyền tại điểm 1

Cụ thể

CN chỉ có TN vãng lai đã khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10%

Cụ thể

CN có TN từ TL, TC ký HĐLĐ từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị + có TN vãng lai chưa khấu trừ thuế



II. HÌNH THỨC QTT TNCN (TIẾP)

3. Trường hợp điều chỉnh sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế

Không đảm bảo ĐK được ủy quyền



cấp chứng từ khấu trừ thuế

Công ty ... đã QTT TNCN thay cho Ông/Bà (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục 05-1/BK-TNCN



MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

Giảm trừ
cho bản
thân

CN cư trú trong
năm chưa tính
hoặc tính ko đủ
12 tháng

Giảm trừ đủ 12
tháng khi QTT

Giảm trừ
cho NPT

NPT đã đăng
ký và có đầy đủ
HS chứng
minh NNT

Được tính giảm
trừ năm 2016 kể
cả TH chưa được
CQT cấp mã.



MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

TH đăng ký
NPT sau
thời điểm
phát sinh
nghĩa vụ
nuôi dưỡng

HS đăng ký
khai **đúng**
thời điểm PS

Khi QTT được
tính đúng thời
điểm và **ko** phải
đăng ký lại

TH đăng ký
NPT sau
thời điểm
phát sinh
nghĩa vụ
nuôi dưỡng

HS đăng ký
khai **sau** thời
điểm PS

Khi QTT được
tính đúng thời
điểm và **phải** đăng
ký lại cùng hs
QTT



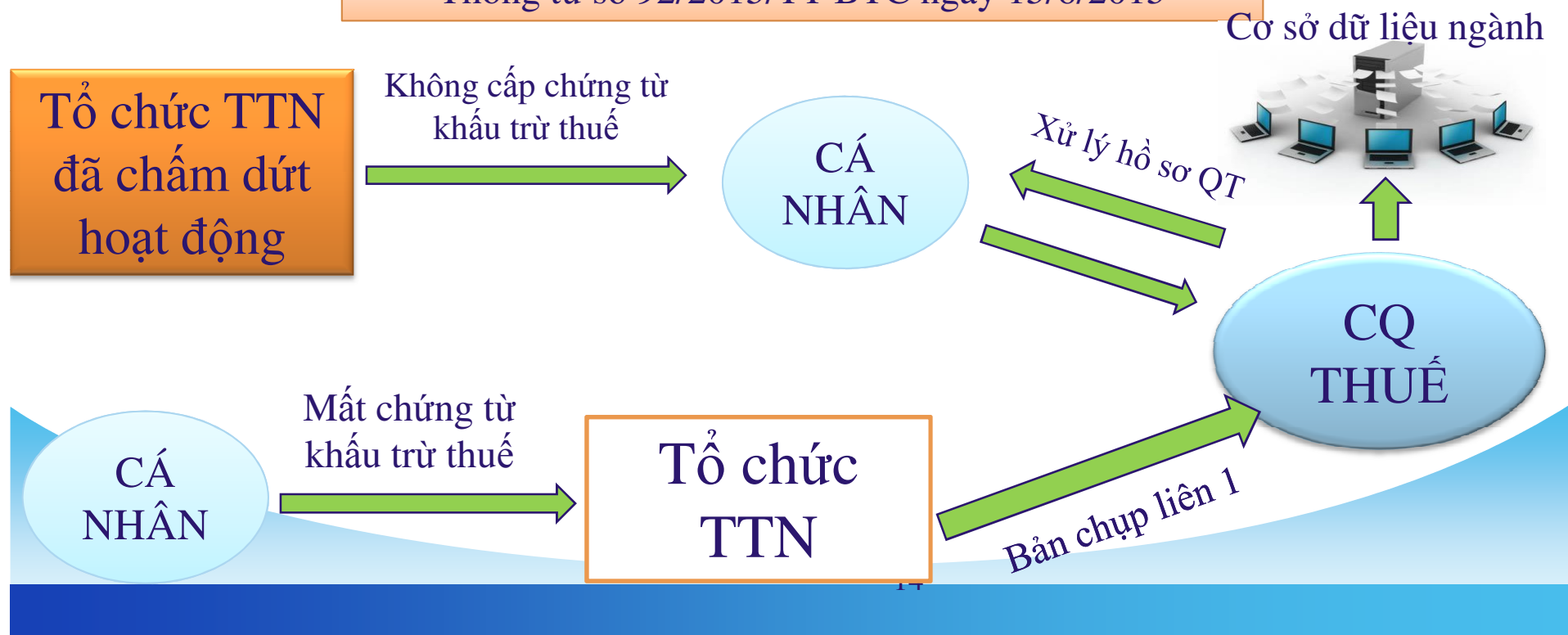
III. HỒ SƠ KHAI QTT TNCN

Điểm b.2, K1; điểm b.2, K2, Điều 16 TT 156/TT-BTC ngày 06/11/2013

Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014

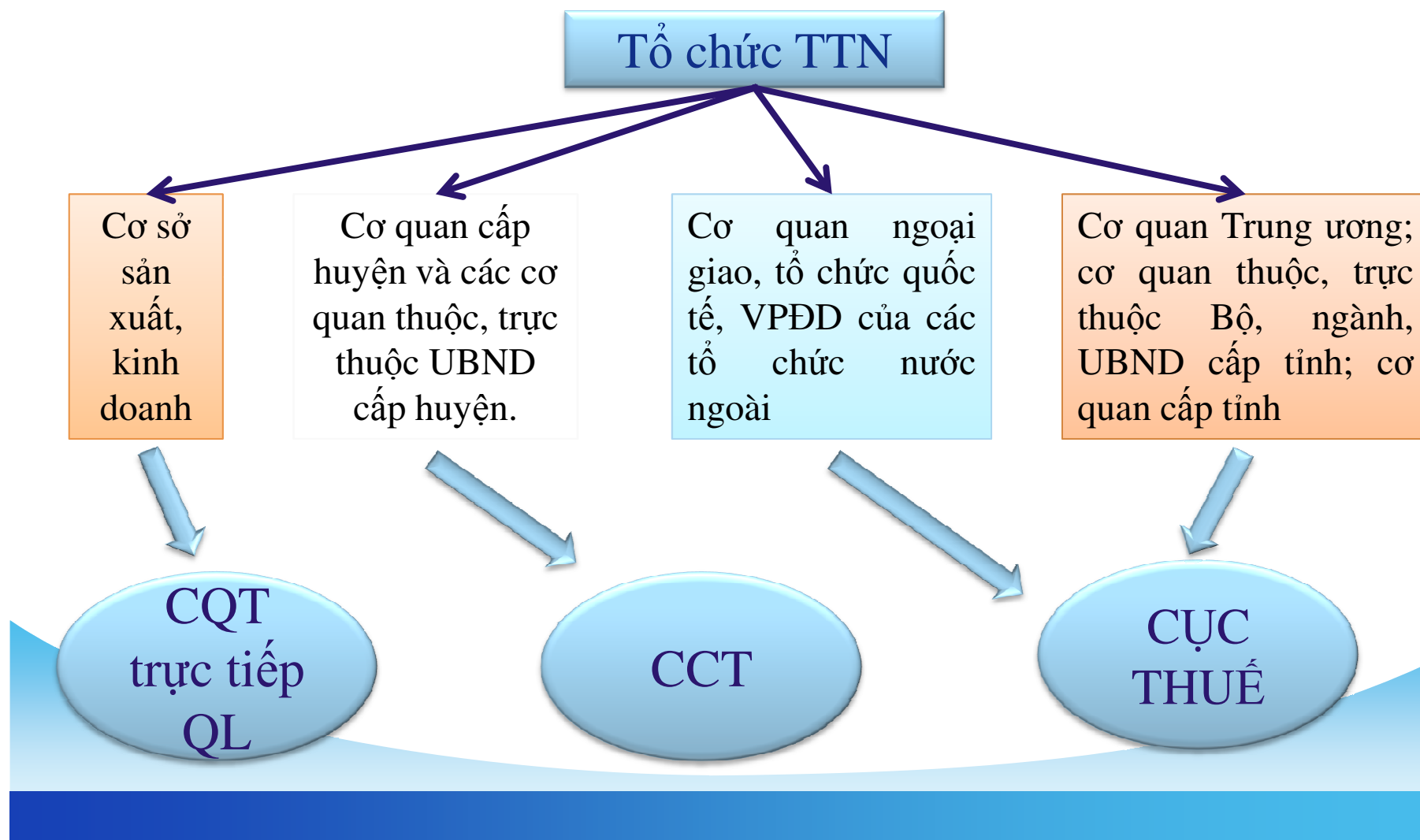
Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014

Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015



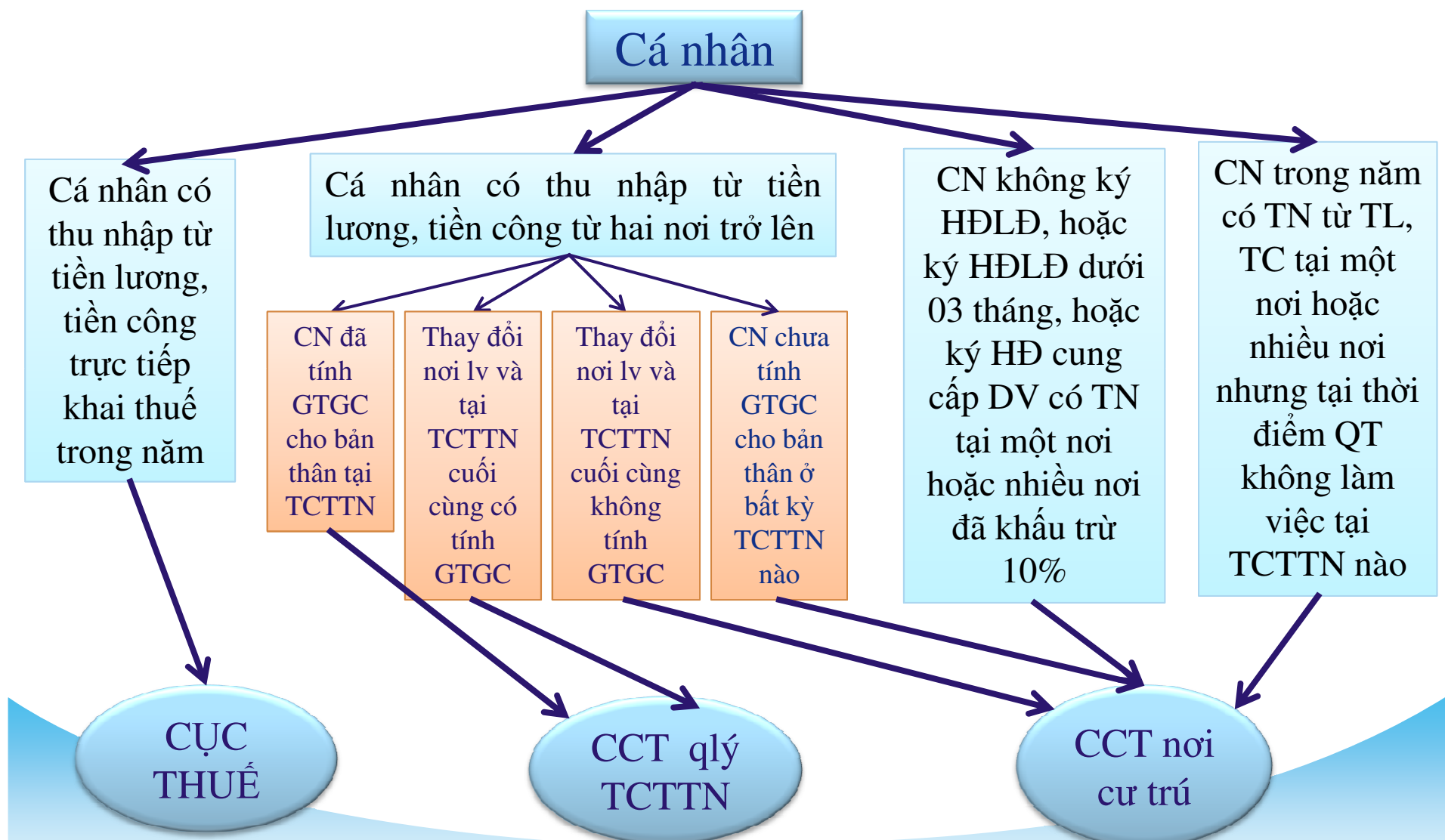


IV. NƠI NỘP HỒ SƠ QTT TNCN





IV. NƠI NỘP HỒ SƠ QTT TNCN (TIẾP)





V. THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ QTT TNCN

TCTTN &
CÁ NHÂN

chậm nhất là ngày thứ
90 kết thúc năm
dương lịch

CN cư trú là
người nước
ngoài

chậm nhất là
ngày thứ 45



**XUẤT
CẢNH**



VI. ĐĂNG KÝ MST CHO NNT

Thời hạn thực hiện đăng ký thuế:

- Thời hạn đăng ký thuế cho NPT cùng thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký giảm trừ gia cảnh.
- TCTTN thực hiện đăng ký thuế cho NNT và NPT một lần trong năm chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời điểm nộp HS QTT TNCN hàng năm/



Hồ sơ đăng ký thuế

Đối với NNT

Đối với cá nhân nộp HS ĐKT trực tiếp tại CQT

1. Tờ khai ĐKT mẫu số 05-ĐK-TCT (TT 95/2016/TT-BTC)

2. Bản sao Thẻ căn cước công dân (CMTND còn hiệu lực); Hộ chiếu còn hiệu lực



Hồ sơ đăng ký thuế (tiếp)

Đối với NNT

Đối với cá nhân nộp HS với CQ chi trả thu nhập

1. Cá nhân gửi VB ủy quyền và giấy tờ cá nhân cho CQ chi trả thu nhập

2. CQ chi trả thu nhập tổng hợp thông tin ĐKT theo mẫu 05-ĐK-TH-TCT gửi qua Cổng TTĐT TCT



Hồ sơ đăng ký thuế (tiếp)

Đối với NPT

Đối với cá nhân nộp HS với CQ chi trả thu nhập

1. Tờ khai theo mẫu 20-ĐK-TCT

2. Bản sao Thẻ căn cước công dân (CMTND còn hiệu lực) hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực



Hồ sơ đăng ký thuế (tiếp)

Đối với NPT

Đối với cá nhân nộp HS với CQ chi trả thu nhập

1. Cá nhân gửi VB ủy quyền và giấy tờ NPT cho CQ chi trả thu nhập

2. CQ chi trả thu nhập tổng hợp thông tin ĐKT theo mẫu 20-ĐK-TH-TCT gửi qua Cổng TTĐT TCT



Địa điểm nộp HS ĐKT



Cá nhân nộp HS ĐKT trực tiếp

Tại Cục Thuế cá nhân thường trú tại VN: CN nước ngoài sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại

Tại Cục Thuế trực tiếp quản lý nơi CN làm việc: CN cư trú có thu nhập do các TC QT, ĐSQ, Lãnh sự quán trả nhưng chưa thực hiện khấu trừ thuế

Tại Cục Thuế nơi phát sinh công việc tại VN : CN cư trú có thu nhập do các TC, CN trả từ nước ngoài (CN ko làm việc tại VN)

Tại CCT nơi cá nhân cư trú (nơi đk thường trú hoặc tạm trú)



MỘT SỐ TÌNH HUỐNG VƯỞNG MẮC

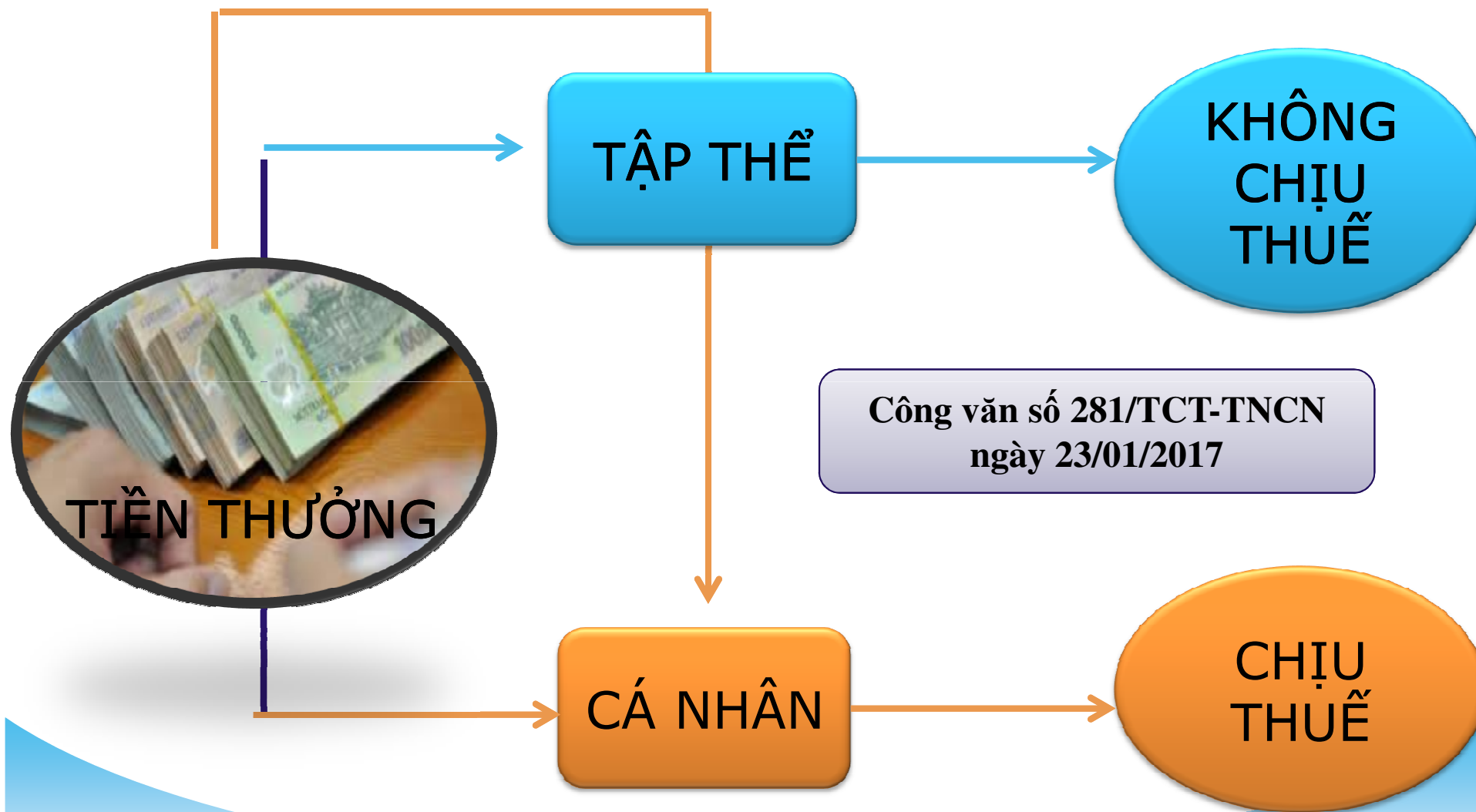


**Thưởng khuyến khích
hiệu quả công việc.**



Có chịu thuế
TNCN không???





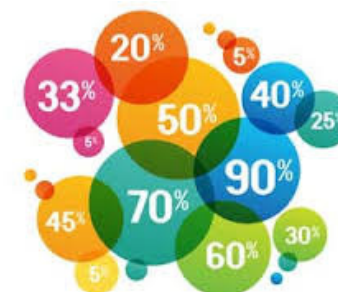


Mua hàng

Chiết khấu thanh toán



Cá nhân có
chịu thuế
TNCN hay
không???





CÁ
NHÂN
A

TIÊU DÙNG

KHÔNG
CHỊU
THUẾ

ĐẠI LÝ BÁN
HÀNG

- Chịu thuế 1%
- Công ty thực hiện kê khai thay cá nhân (mẫu 01/CNKD TT92)



Lương, lương, lương



Chịu thuế theo
biểu lũy tiến

Trợ cấp thất nghiệp



Không chịu
thuế TNCN

Hỗ trợ tài chính



Khoản chi trên 2
triệu khấu trừ theo
mức 10%

Có chịu
thuế TNCN
không?





Nơi nộp HS QTT của CN chuyển nơi làm việc?

Năm 2016 làm việc tại TP HCM, thuộc diện phải tự QTT TNCN.

Tháng 01/2017, làm việc tại cty A ở Hà Nội (CCT Hoàn Kiếm quản lý)

Tháng 01/2017, cư trú tại Tây Hồ

**NGƯỜI
LAO ĐỘNG**

Giám trừ bản thân tại cty A

CCT Hoàn Kiếm

Thời điểm QT

Ko giám trừ bản thân tại cty A

CCT Tây Hồ



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

